

**TIẾT 61. BÀI 31. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó.

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

+ Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

+ Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp.

+ Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

+ Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

+ Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.

**\* Năng lực chuyên biệt:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được các khu vực ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Trình bày được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**3. Phẩm chất:**

- *Yêu nước:* Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- *Nhân ái:*

+ Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

+ Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân.

- *Chăm chỉ*: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực*: Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- *Trách nhiệm*: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị**: Máy tính, máy chiếu.
2. **Học liệu**: SGK, tranh ảnh, video.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định**:
2. **Kiểm tra bài cũ**: Kết hợp trong quá trình học.
3. **Hoạt động học tập**:

### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

- Mục tiêu**: HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.
- Nội dung**: HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:
  - \* **Câu hỏi**: Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.
- Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**1. Nội dung**  
 Tìm hiểu và viết báo cáo về ảnh hưởng và giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**2. Nguồn tư liệu**

- Thông tin từ các tạp chí, sách, báo, tivi, internet, thực tế,... về biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.
- Gợi ý các nguồn tham khảo:
  - + Tác động của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, <http://ihrc.org.vn/tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-doi-voi-san-xuat-nong-nghiep-o-dong-bang-song-cuu-long-8.html>
  - + Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng Cửu Long, **Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)**, <https://monre.gov.vn/Pages/ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-o-dong-bang-cuu-long.aspx>
  - + Chính sách ứng phó biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, <http://moitruong.nongthonmoi.gov.vn/Pages/chinh-sach-ung-pho-bien-doi-khi-hau-vung-dbscl.aspx>

#### d) **Tổ chức thực hiện**:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định**: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động. Thực hành

- Mục tiêu**: HS sưu tầm, hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu và trình bày được báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó.
- Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.
- Sản phẩm**: Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

#### 3. Gợi ý cấu trúc báo cáo

##### BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

#### 1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Đến tự nhiên
- Đến các hoạt động kinh tế
- Đến sinh hoạt của dân cư

#### 2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long

- Giải pháp giảm nhẹ
- Giải pháp thích ứng

**\* THAM KHẢO**

**BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

- Đối với tự nhiên:

+ Nhiệt độ ở ĐBSCL có xu thế tăng lên trong toàn khu vực với mức tăng từ 0,4 đến 1,6 độ C/61 năm; lượng mưa có xu thế gia tăng từ 1,5-20% trong vòng 61 năm nhưng xu thế tăng mưa mùa đông, mùa xuân, giảm ở mùa hè và các tỉnh ven biển; các hiện tượng cực đoan như số ngày nắng nóng kéo dài; xu thế nước biển dâng từ 3,5-8,7mm/năm; hạn hán tăng từ 0,05-0,2 đơn vị/61 năm.

+ Nước biển dâng là thách thức lớn nhất của đồng bằng châu thổ này. Nếu nước biển dâng cao 100cm, sẽ có khoảng 38% diện tích có nguy cơ bị ngập. Trong đó, các tỉnh có nguy cơ ngập cao nhất là Hậu Giang (nay là Cần Thơ) (80,62%), Kiên Giang (nay là An Giang) (76,86%) và Cà Mau (57,69%). Khi đó, ảnh hưởng của nước mặn thường xuyên. Nhiều vùng bảo tồn đất ngập nước như Tràm Chim, U Minh Thượng, Làng Sen, Trà Rai, Hà Tiên, Bãi Bồi, Đất Mũi trở nên kém bền vững hơn.

+ Một số sinh vật có thể bị tiêu diệt, 1/3 “vựa thóc” của cả nước bị ngập, 85% dân cư cần được hỗ trợ về nông nghiệp, đất bị suy thoái, hiện tượng di dân làm xáo trộn quy hoạch đô thị,... Cùng với đó, xói lở bờ sông, bờ biển và giảm dòng chảy mùa khô cũng là những vấn đề rất đáng quan tâm.

- Đối với các hoạt động kinh tế:

+ Dưới tác động của biến đổi khí hậu, ở ĐBSCL, ước tính hàng trăm ngàn hecta đất bị ngập, hàng triệu người có thể bị mất nhà cửa nếu nước biển dâng cao. Sản lượng lương thực có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia.

+ Diện tích canh tác nông nghiệp sử dụng nguồn nước ngọt như lúa, hoa màu, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản sẽ bị thu hẹp, năng suất và sản lượng sẽ suy giảm. Cá nước ngọt dự kiến sẽ suy giảm vì diện tích đất đồng bằng và dòng sông nhiễm mặn gia tăng. Ngược lại, cá nước mặn, lợ sẽ phát triển. Diện tích nuôi tôm, sò và hải sản khác có thể sẽ gia tăng trong tương lai. Các vùng tài nguyên rừng, đất, nước, sinh vật hoang dã, khoáng sản (than bùn, cát đá xây dựng...) sẽ bị xâm lấn.

+ Thực tế cho thấy, mùa khô năm 2016, mặn đã xâm nhập sâu đến 90 km vào các tỉnh/thành ven biển ở ĐBSCL, với diện tích khoảng 300.000 ha. Nếu tình trạng hạn - mặn tiếp tục diễn ra như năm 2016 thì diện tích các vùng trồng lúa sẽ bị ảnh hưởng rất lớn, làm giảm năng suất và sản lượng.

=> Như vậy, việc chọn tạo và sử dụng các loại giống lúa chịu mặn là khả năng phải nghĩ tới trong hiện tại và tương lai.

+ Biến đổi khí hậu cũng làm thay đổi điều kiện sinh sống của các loài sinh vật, dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài và ngược lại xuất hiện nguy cơ gia tăng các loại “thiên địch”. Trong thời gian 2 năm trở lại đây, dịch rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá ở ĐBSCL diễn biến ngày càng phức tạp, ảnh hưởng đến khả năng thâm canh, tăng vụ và làm giảm sản lượng lúa. Biến đổi khí hậu có thể tác động đến thời vụ canh tác lúa, làm thay đổi cấu trúc mùa vụ, quy hoạch vùng, kỹ thuật tưới tiêu, sâu bệnh, năng suất, sản lượng.

- Đối với sinh hoạt của dân cư

+ Khi mực nước biển dâng còn làm hệ thống đê biển hiện tại có nguy cơ tràn và vỡ ngay cả khi không có các trận bão lớn. Ngoài ra, do mực nước biển dâng cao làm chế độ dòng chảy ven bờ thay đổi sẽ gây xói lở bờ. Đối với hệ thống đê sông, đê bao và bờ bao, mực nước biển dâng cao làm cho khả năng tiêu thoát nước ra biển giảm, kéo theo mực nước các con sông dâng lên, kết hợp với sự gia tăng dòng chảy lũ từ thượng nguồn sẽ làm cho đỉnh lũ tăng thêm, uy hiếp sự an toàn của các tuyến đê sông ở các tỉnh phía bắc, đê bao và bờ bao ở các tỉnh phía nam.

+ Nông dân, ngư dân và thị dân nghèo sẽ là đối tượng chịu nhiều tổn thương nặng nề do thiếu nguồn dinh dưỡng, thiếu khả năng tài chính, thiếu điều kiện tiếp cận thông tin để có thể đối phó kịp thời với sự thay đổi của thời tiết và khí hậu. Dự kiến sẽ có sự dịch chuyển dòng di cư của nông dân ở các vùng ven biển bị tác động nặng nề do biến đổi khí hậu. Điều này khiến các quy hoạch đô thị bị phá vỡ, trật tự xã hội sẽ là một thử thách, môi trường đô thị sẽ bị xấu đi do sự gia tăng cơ học về dân số.

## 2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long

- Giải pháp giảm nhẹ

+ Rà soát, đánh giá tình hình tác động biến đổi khí hậu

+ Xây dựng, định kỳ cập nhật và công bố Kịch bản biến đổi khí hậu. Kịch bản biến đổi khí hậu cập nhật được xây dựng dựa trên các công bố mới nhất của Ban liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC). Nội dung Kịch bản đã sử dụng số liệu quan trắc và số liệu mô hình số độ cao cập nhật đến năm 2020, bổ sung 10 phương án mô hình toàn cầu và 6 mô hình khu vực để dự tính các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, **nguy cơ ngập do nước biển dâng chi tiết đến các đơn vị hành chính cấp xã, các đảo và quần đảo của Việt Nam.**

+ Bên cạnh đó, năm 2022, **Bộ TN&MT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)** công bố Báo cáo đánh giá khí hậu quốc gia với những thông tin cơ bản về đặc điểm, hiện trạng, mức độ thay đổi của khí hậu, khí hậu cực đoan, xu thế và tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá sự phù hợp và mức độ sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu cũng như hiệu quả của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

+ Chính phủ đặt mục tiêu sớm hoàn thiện chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ở ĐBSCL

- Giải pháp thích ứng

+ Bộ TN&MT cho biết, thực hiện hiệu quả các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu theo Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, Chính phủ đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 với các nhiệm vụ, giải pháp rất cụ thể như: Tập trung sản xuất nông nghiệp chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp hiệu quả cao, tối ưu hoá giá trị nông nghiệp; phát triển công nghệ về giống, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản.

+ **Đồng thời, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, xây dựng mạng lưới đường bộ cao tốc, đường thủy nội địa;** Chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với từng vùng sinh thái; chủ động "sống chung với lũ và hạn hán, xâm nhập mặn", khai thác lợi thế để phát triển bền vững.

+ Cùng với đó là xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Công; kiểm soát khai thác nước ngầm và tình trạng sụt lún đất do khai thác nước ngầm; xây dựng hệ thống công trình trữ nước mùa mưa, điều hoà nguồn nước cho mùa khô để giảm thiểu tác động của hạn hán và xâm nhập mặn.

+ Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đê biển, đê bao, bờ biển, công trình kiểm soát lũ, mặn, hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững; Xây dựng, củng cố công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn cho dân cư và cơ sở hạ tầng; phát triển rừng ngập mặn và các đa dạng sinh học ven biển gắn với bảo đảm đa dạng sinh học và sinh kế bền vững; Hoàn thiện chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ; củng cố, nâng cấp công trình kết hợp sơ tán dân phòng chống lũ, bão.

### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.  
b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

### I. Trắc nghiệm

**Câu 1.** Diện tích đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng thu hẹp do

- A. thời gian mùa khô hạn ngày càng kéo dài.  
B. chế độ nước của sông Mê Công thay đổi.  
C. đẩy mạnh đắp đê nên phù sa ít được bồi tụ.  
D. mở rộng việc nuôi trồng thủy sản nước lợ.

**Câu 2.** Việc mở rộng diện tích nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long cần chú ý tới vấn đề chủ yếu nào sau đây?

- A. Tăng cường giống mới, phổ biến kỹ thuật nuôi trồng.  
B. Bổ sung nguồn lao động, tăng cường cơ sở thức ăn.  
C. Bảo vệ rừng ngập mặn, mở rộng thị trường tiêu thụ.  
D. Phát triển công nghiệp chế biến, bổ sung lao động.

**Câu 3.** Hậu quả chủ yếu của mùa lũ đến muộn và lưu lượng nước nhỏ ở Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm gần đây là

- A. làm suy giảm mực nước ngầm, thu hẹp diện tích rừng ngập mặn.  
B. xâm nhập mặn sớm, tình trạng hạn hán vào mùa khô sâu sắc hơn.  
C. thiếu nước cho thau chua rửa mặn, tăng chi phí sản xuất vụ mùa.  
D. sạt lở đất ven sông nghiêm trọng hơn, thu hẹp diện tích canh tác.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí vào các bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

### II. Đúng/sai

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Tính từ cuối năm 2015 đến nay, nhiều địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long đã bị nhiễm mặn, nhiều tỉnh/thành công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn. Những thay đổi nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Kông hay những tác động khác như nhiệt độ tăng, nước biển dâng, lũ lụt, khô hạn, xâm nhập mặn và xói lở đất,... đã làm cho vùng này đứng trước nhiều nguy cơ và thách thức. Dưới tác động đó, Đồng bằng sông Cửu Long ước tính hàng trăm nghìn ha đất khô hạn, sản lượng lương thực và năng suất cây trồng có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu. (Đúng)  
b) Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhanh do tình trạng nhiễm mặn. (Sai)  
c) Nước biển dâng cao là một trong những nguyên nhân làm cho Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn sâu. (Đúng)  
d) Giải pháp quan trọng để ứng phó nguy cơ hạn mặn, thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển hệ thống thủy lợi, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. (Đúng)

### III. Trả lời ngắn

**Câu 1.** Năm 2021, diện tích lúa của cả nước là 7238,9 nghìn ha, của Đồng bằng Sông Cửu Long là 3898,6 nghìn ha. Tính tỉ trọng diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước. (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

**Đáp án: 53,9**

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

#### **4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

#### **5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: **BÀI 33. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO**

## TIẾT 62,63,64. BÀI 33. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Trình bày được khái quát về Biển Đông.
- Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta.
- Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.
- Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.
- Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông.

- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo.

#### 2. Năng lực:

##### \* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
  - + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
  - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
  - + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
  - + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp.
  - + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*
  - + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm.
  - + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*
  - + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...
  - + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.
- \* **Năng lực chuyên biệt:**
  - *Nhận thức khoa học địa lí:*
    - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
      - > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi vùng biển nước ta.
    - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được vì sao phải khai thác tổng hợp tài nguyên vùng biển, đảo nước ta.
  - *Tìm hiểu địa lí:*
    - + Sử dụng các công cụ địa lí
    - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
  - *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
    - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, chủ quyền, tài nguyên vùng biển nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khẳng định và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta; Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển đảo nước ta.

### 3. Phẩm chất:

- *Yêu nước*: Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- *Nhân ái*:

+ Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tích cực, chủ động và vận động người khác ngăn chặn hành vi bạo lực.

+ Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức và suy nghĩ của các cá nhân.

- *Chăm chỉ*: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực*: Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- *Trách nhiệm*:

+ Có trách nhiệm với môi trường sống: Hiểu rõ ý nghĩa của việc tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; Có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và sự phát triển bền vững vùng biển đảo.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị**: Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu**: SGK, tranh ảnh, video.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định**:

2. **Kiểm tra bài cũ**: Không kiểm tra.

3. **Hoạt động học tập**:

### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu**: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

\* **Câu hỏi**: Em hãy lắng nghe bài hát và nêu hiểu biết của bản thân về Biển - đảo nước ta?

d) **Tổ chức thực hiện**:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Trình chiếu video và cho HS trả lời câu hỏi để “Vượt qua thử thách”.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS theo dõi và có 30 giây suy ngẫm sau đó trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định**: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Mở đầu: Việt Nam có vùng biển và các đảo, quần đảo giàu tài nguyên thiên nhiên, có nhiều tiềm năng để phát triển tổng hợp kinh tế biển. Việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo ở Việt Nam như thế nào? Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh cho đất nước ra sao?*

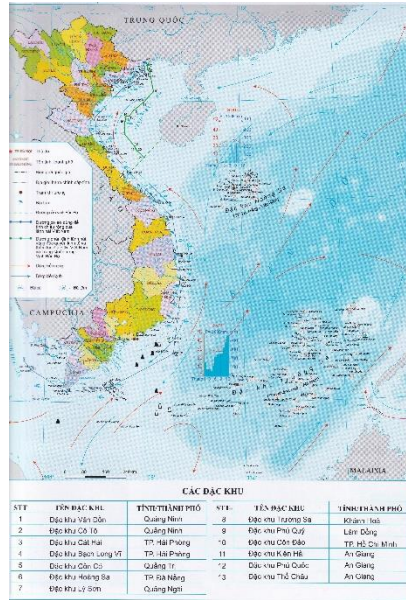
### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái quát về Biển Đông

a) **Mục tiêu**: HS Trình bày được khái quát về Biển Đông.

b) **Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi**: Trình bày khái quát về Biển Đông.



**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**I. KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO**

**1. Biển Đông**

- Biển Đông nằm ở phía tây Thái Bình Dương.
- Hệ tọa độ:  
+ 3°N đến 26°N  
+ 100°Đ đến 121°Đ.
- Diện tích: 3,447 triệu km<sup>2</sup>.
- Có hai vịnh biển lớn là vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan.
- Các nước có chung Biển Đông là Trung Quốc, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan và Cam-pu-chia.
- Khí hậu trên Biển Đông mang tính chất nhiệt đới gió mùa.
- Độ muối trung bình khoảng 32 - 33‰.
- Biển Đông có các dòng biển thay đổi theo mùa.
- Biển Đông giàu tài nguyên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

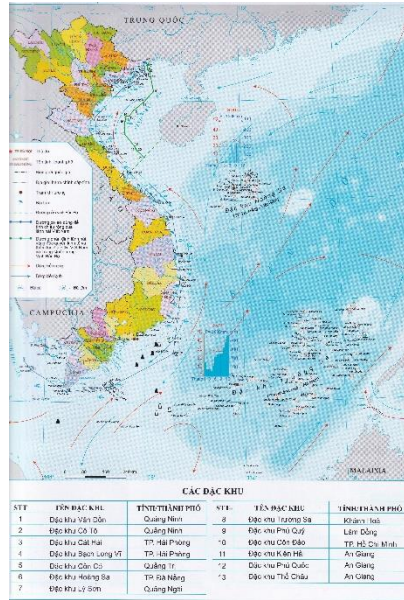
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vùng biển, các đảo, quần đảo của Việt Nam**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được vùng biển, các đảo, quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi:** Trình bày về vùng biển và các đảo, quần đảo của nước ta.



c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

## 2. Vùng biển, các đảo, quần đảo của Việt Nam

- Diện tích vùng biển nước ta khoảng 1 triệu km<sup>2</sup>.
- Bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- Nước ta có hàng nghìn đảo và quần đảo, trong đó có hai quần đảo lớn là: quần đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa).
- Có 13 đặc khu:
  - + Vân Đồn (Quảng Ninh)
  - + Cô Tô (Quảng Ninh)
  - + Cát Hải (Hải Phòng)
  - + Bạch Long Vỹ (Hải Phòng)
  - + Côn Chi (Quảng Trị)
  - + Lý Sơn (Quảng Ngãi)
  - + Hoàng Sa (Đà Nẵng)
  - + Trường Sa (Khánh Hòa)
  - + Phú Quý (Lâm Đồng)
  - + Côn Đảo (TP. HCM)
  - + Kiên Hải (An Giang)
  - + Phú Quốc (An Giang)
  - + Thổ Châu (An Giang)
- Đường bờ biển: khoảng 3 260 km từ Quảng Ninh đến An Giang.
- Có 21 tỉnh/thành phố giáp biển.

## d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

### - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

### - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

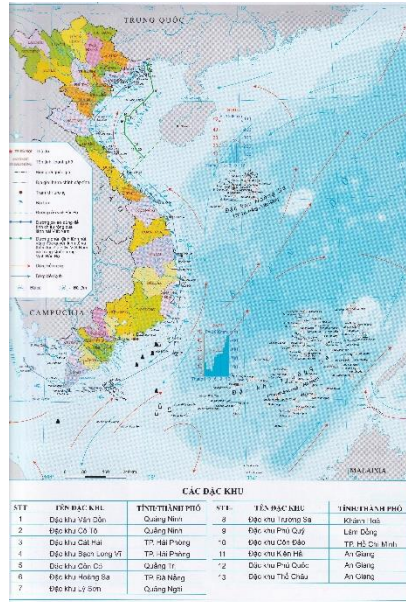
- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

## Hoạt động 2.3. Tìm hiểu tài nguyên thiên nhiên vùng biển, đảo Việt Nam

a) **Mục tiêu:** HS chứng minh được vùng biển, đảo nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm	Tài nguyên	Đặc điểm
1	Sinh vật	
2	Khoáng sản	
3	Du lịch	
4	Tài nguyên khác	

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÙNG BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM	
Tài nguyên	Đặc điểm
1. Sinh vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng:</li> <li>+ Khoảng 2 000 loài cá, trong đó có trên 110 loài giá trị kinh tế cao; có nhiều loài động vật giáp xác, thân mềm, nhiều loại có giá trị dinh dưỡng cao như: tôm, cua, mực,...</li> <li>+ Trữ lượng hải sản khoảng 4 triệu tấn.</li> <li>- Trên các đảo và khu vực ven biển có nhiều vườn quốc gia, nhiều khu dự trữ sinh quyển.</li> <li>- Nhiều khu vực đầm lầy, cửa sông, bãi triều ven biển.</li> <li>- Vùng đảo, ven biển còn có chim yến...</li> </ul>
2. Khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên tương đối lớn: khoảng 10 tỉ tấn dầu quy đổi, tập trung ở các bể trầm tích.</li> <li>- Dọc ven biển, vùng sườn bờ và đáy biển điều tra được hơn 30 loại khoáng sản: Ti-tan, cát thủy tinh, muối biển...</li> <li>- Có tiềm năng về băng cháy,...</li> </ul>
3. Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường bờ biển kéo dài, cảnh quan bờ biển đa dạng, nhiều bãi tắm đẹp.</li> <li>- Có hàng nghìn đảo, nhiều đảo có phong cảnh đẹp. Đặc biệt có vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà đã được UNESCO vinh danh là Di sản thiên nhiên của thế giới.</li> <li>- Hệ sinh thái biển phong phú, đặc sắc.</li> </ul>
4. Tài nguyên khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lượng gió.</li> <li>- Bờ biển có nhiều vũng vịnh,...</li> </ul>

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

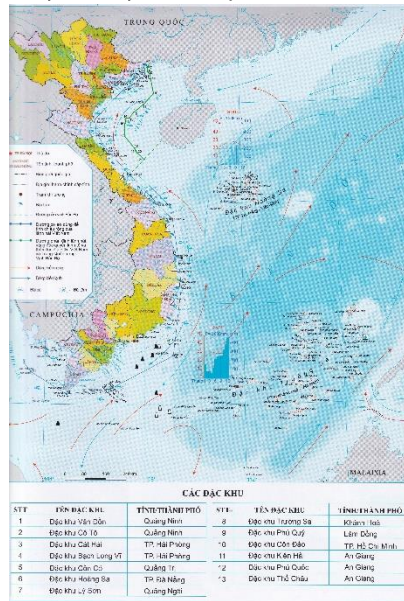
+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.4. Tìm hiểu khai thác tổng hợp tài nguyên biển, đảo Việt Nam**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển). Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Bảng 33.1. KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

Năm	2010	2015	2019	2024
Vận chuyển (triệu tấn)	61,6	60,8	77,1	129,5
Luân chuyển (triệu tấn.km)	145 521,4	131 835,7	154 753,2	127791,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

Bảng 33.2. SẢN LƯỢNG DẦU THÔ VÀ KHÍ TỰ NHIÊN KHAI THÁC TRONG NƯỚC TRÊN VÙNG BIỂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

Năm	2010	2015	2024
Dầu thô (triệu tấn)	14,7	16,9	8,1
Khí tự nhiên (tỉ m <sup>3</sup> )	9,4	10,7	6,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

Bảng 33.3. SẢN LƯỢNG HẢI SẢN KHAI THÁC CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2010	2015	2024
Sản lượng hải sản khai thác	2,27	2,98	3,67
- Trong đó: Cá biển	1,66	2,23	2,82

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

## PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm	Hoạt động	Tình hình phát triển và phân bố
1	Phát triển du lịch biển, đảo	
2	Giao thông vận tải biển	
3	Khai thác khoáng sản	
4	Khai thác tài nguyên sinh vật biển, đảo và nuôi trồng hải sản	

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

<b>III. VẤN ĐỀ KHAI THÁC TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN BIỂN, ĐẢO</b>	
Hoạt động	Tình hình phát triển và phân bố
1. Phát triển du lịch biển, đảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển nhanh.</li> <li>- Số lượng khách và doanh thu của hoạt động du lịch biển tăng.</li> <li>- Nhiều loại hình: nghỉ dưỡng biển, thể thao biển,...</li> <li>- <b>Đã hình thành nhiều khu du lịch nổi tiếng như: Hạ Long (Quảng Ninh), Đà Nẵng, Nha Trang (Khánh Hòa), Phú Quốc (An Giang),...</b></li> <li>- <b>Có nhiều điểm du lịch biển nổi tiếng khác như: Cát Bà (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hoá), Quy Nhơn (Gia Lai), Mũi Né (Lâm Đồng), Côn Đảo (TP. HCM),...</b></li> </ul>
2. Giao thông vận tải biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày càng phát triển và hiện đại.</li> <li>- <b>Nước ta có 34 cảng biển, trong đó có 2 cảng đặc biệt; 11 cảng loại I; 7 cảng loại II và 14 cảng loại III (2025).</b></li> <li>- Các tuyến giao thông vận tải biển ở nước ta được mở rộng, dịch vụ hàng hải ngày càng phát triển, đội tàu buôn quốc gia được tăng cường...</li> <li>- <b>Khối lượng vận chuyển, luân chuyển hàng hoá bằng đường biển có xu hướng tăng trong giai đoạn 2010 - 2019; sau đó giảm ở giai đoạn 2019 - 2024, đặc biệt là khối lượng luân chuyển.</b></li> </ul>
3. Khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên:</li> <li>+ Mỏ dầu khai thác đầu tiên vào năm 1986.</li> <li>+ Việt Nam đã khai thác 25 mỏ dầu, khí và chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía nam (tính đến 2022).</li> <li>+ Sản lượng khai thác không ổn định.</li> <li>- Khai thác khoáng sản khác:</li> <li>+ <b>Cát thủy tinh và ti-tan: Lâm Đồng, TP. HCM,...</b></li> <li>+ <b>Làm muối: sản lượng khoảng 1 triệu tấn/năm: Cà Ná, Phương Cựu (Khánh Hòa), Diêm Điền (Hưng Yên), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi),...</b></li> </ul>
4. Khai thác tài nguyên sinh vật biển, đảo và nuôi trồng hải sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác:</li> <li>+ Được đầu tư tốt hơn về phương tiện, công nghệ.</li> <li>+ Tăng cường khai thác xa bờ.</li> <li>+ Sản lượng khai thác hải sản tăng nhanh.</li> <li>+ <b>Các vùng có sản lượng khai thác lớn: Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.</b></li> <li>- Nuôi trồng:</li> <li>+ Được đầu tư phát triển.</li> <li>+ Các mô hình nuôi trồng công nghiệp, công nghệ cao ngày càng phổ biến.</li> <li>+ Nuôi trồng theo hướng bền vững được chú trọng.</li> </ul>

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.5. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển, đảo**

**a) Mục tiêu:** HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi:** Giải thích sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**IV. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, ĐẢO**

- Bảo vệ môi trường biển là bảo vệ không gian, các nguồn lợi để phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

- Môi trường biển là một thể thống nhất. Vì vậy, nếu một vùng biển bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng đến vùng bờ biển, vùng nước và các đảo xung quanh, ảnh hưởng đến các hệ sinh thái trên biển, cuộc sống của cư dân ven biển và trên các đảo.

- Các đảo trên biển của nước ta thường có diện tích nhỏ, nằm biệt lập với đất liền. Mỗi đảo đều có đặc điểm tự nhiên riêng và dễ bị tác động bởi các hoạt động của con người. Bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường trên đảo là giữ được mực nước ngầm và hệ sinh thái trên đảo, đảm bảo cuộc sống cho cư dân sinh sống trên đảo, đồng thời, bảo vệ quốc phòng an ninh cho đất nước.

- Cần bảo vệ môi trường biển đảo để kịp thời ngăn chặn những tác động xấu đến môi trường và cuộc sống của cư dân ven biển.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.6. Tìm hiểu Ý nghĩa của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh**

**a) Mục tiêu:** HS phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi:** Phân tích ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng cho đất nước.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**V. Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC CỦA BIỂN ĐÔNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH**

**1. Ý nghĩa của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh**

- Biển Đông và các đảo, quần đảo của Việt Nam có vị trí, vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh.

- Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là nền tảng và nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế đất nước.

- Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo vừa là quyền lợi, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động trên biển và phải gắn liền với đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho sự phát triển.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

### **Hoạt động 2.7. Tìm hiểu ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong phát triển kinh tế và đảm bảo QPAN**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi:** Nêu hướng chung trong việc giải quyết tranh chấp vùng biển, đảo ở Biển Đông.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

<b>2. Hướng chung trong giải quyết các tranh chấp vùng biển, đảo</b>
- Tuân thủ Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.
- Chủ động, tích cực tham gia diễn đàn quốc tế và khu vực, phối hợp với các nước thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), thúc đẩy kí Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).
- Đẩy mạnh phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trên biển, bảo vệ môi trường biển, qua đó đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Giải quyết các tranh chấp trên cơ sở hoà bình, hữu nghị, tôn trọng chủ quyền biển, đảo của các quốc gia, xây dựng một khu vực Đông Nam Á ổn định, hoà bình.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

### **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

\* **Câu hỏi:** Lập bảng về tiềm năng khai thác biển, đảo ở nước ta theo mẫu sau vào vở ghi bài:

<b>Hoạt động</b>	<b>Tiềm năng</b>
Khai thác sinh vật	
...	

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

\* **Gợi ý:**

<b>Hoạt động</b>	<b>Tiềm năng</b>
Khai thác sinh vật	- Vùng biển có khoảng 2000 loài cá, trên 110 loài giá trị kinh tế cao; nhiều loài động vật giáp xác, thân mềm, nhiều loại giá trị dinh dưỡng cao như: tôm, cua, mực,... Trữ lượng hải sản khoảng 4 triệu tấn, vùng ven bờ có nhiều loại rong biển. - Trên các đảo và khu vực ven biển có nhiều vườn quốc gia, nhiều khu dự trữ sinh quyển. Nhiều khu vực đầm lầy, cửa sông, bãi triều ven biển.

Khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thềm lục địa có trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên tương đối lớn, tổng trữ lượng khoảng 10 tỉ tấn dầu quy đổi.</li> <li>- Dọc ven biển, vùng sườn bờ và đáy biển điều tra được hơn 30 loại khoáng sản. Ti-tan, cát thủy tinh, muối biển sản trữ lượng tương đối lớn. Băng cháy ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực bể trầm tích Phú Khánh,...</li> <li>- Năng lượng gió biển đứng đầu khu vực Đông Nam Á.</li> </ul>
Khai thác du lịch biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường bờ biển kéo dài, cảnh quan bờ biển đa dạng, nhiều bãi tắm đẹp dọc khu vực biển, đảo từ Bắc vào Nam</li> <li>- Vùng biển có hàng nghìn đảo, nhiều đảo phong cảnh đẹp. Vịnh Hạ Long, quần đảo Cát Bà là di sản thiên nhiên thế giới.</li> <li>- Hệ sinh thái biển phong phú, đặc sắc: hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rạn san hô, đầm phá,...</li> </ul>
Giao thông vận tải biển	Địa hình bờ biển có nhiều vũng, vịnh, thuận lợi xây dựng cảng biển nước sâu, phát triển giao thông vận tải biển và xuất, nhập khẩu hàng hóa,...

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, hướng dẫn chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

\* **Câu hỏi:** Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

#### **Gợi ý:**

Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII, “Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” khẳng định vị trí, tầm quan trọng trong phát triển kinh tế biển, đồng thời xác định nhiệm vụ đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

Chiến lược đề ra mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể nhằm đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, có sự phát triển bền vững, thịnh vượng, bảo đảm an ninh, an toàn nền kinh tế biển; trong đó, xác định đến năm 2030, các ngành kinh tế thuần biển có đóng góp vào GDP cả nước đạt khoảng 10%; **kinh tế của 28 tỉnh, thành phố (nay là 21 tỉnh, thành phố)** ven biển ước đạt 65 - 70% GDP cả nước; các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế; tăng cường kiểm soát khai thác tài nguyên biển gắn với bảo đảm khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển,...

Kết quả đạt được:

- Sau khoảng 4 năm thực hiện chiến lược, hệ thống nuôi trồng và khai thác hải sản, năng lượng tái tạo, các ngành kinh tế biển mới có bước phát triển.
- Phát triển kinh tế biển dựa trên những chỉ tiêu về quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ theo tiêu chuẩn quốc tế được coi trọng.
- Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế trong phát triển.
- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển

Một số khó khăn, hạn chế:

- Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa bắt kịp, đón đầu những yêu cầu trong bối cảnh mới.
- Nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, dự án chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.
- Công tác quản lý nhà nước ở vùng biển gặp nhiều khó khăn, hiệu lực, hiệu quả chưa cao.

Một số giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển:- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận trong toàn xã hội về phát triển kinh tế biển bền vững.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; các bộ, ngành có liên quan chủ trì, phối hợp với địa phương thực hiện kiểm tra, đánh giá tổng thể và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về xây dựng kinh tế biển, đảo.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW, xác định lại các chiến lược sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, đồng thời thu hút các nguồn vốn khác trong nước và quốc tế.

- Tăng cường vai trò điều phối trong tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 36-NQ/TW trên quy mô toàn quốc.

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

#### **4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

#### **5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: BÀI 34. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO TUYÊN TRUYỀN VỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA VIỆT NAM

## **TIẾT 65. BÀI 34. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO TUYÊN TRUYỀN VỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA VIỆT NAM**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

#### **2. Năng lực:**

##### **\* Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

+ Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

+ Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp.

+ Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

+ Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm.

+ Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là vấn đề hợp tác giải quyết các vấn đề biển đảo.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

+ Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.

##### **\* Năng lực chuyên biệt:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

> Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi vùng biển nước ta.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Hiểu và giải thích được vì sao phải bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo của Việt Nam.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, chủ quyền vùng biển nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khẳng định và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

#### **3. Phẩm chất:**

- *Yêu nước:* Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- *Nhân ái:*

+ Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tích cực, chủ động và vận động người khác ngăn chặn hành vi bạo lực.

+ Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức và suy nghĩ của các cá nhân.

- *Chăm chỉ*: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực*: Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- *Trách nhiệm*: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập và cộng đồng.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị**: Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu**: SGK, tranh ảnh, video.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định**:

2. **Kiểm tra bài cũ**: Kết hợp trong quá trình học.

3. **Hoạt động học tập**:

### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu**: HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) **Nội dung**: HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

\* **Câu hỏi**: Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

#### 1. Nội dung

Thu thập tài liệu, tranh ảnh, video,... viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Có thể chọn một trong số các nội dung sau:

- Nội dung 1: Tuyên truyền về chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- Nội dung 2: Tuyên truyền về Luật Biển Việt Nam.

#### 2. Nguồn tư liệu

- Nội dung bài 33.

- Thông tin trên internet có liên quan đến báo cáo.

- Các sách, báo, tạp chí, video,... có liên quan đến nội dung báo cáo.

- Luật Biển Việt Nam, Luật số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định**: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động. Thực hành

a) **Mục tiêu**: HS sưu tầm, hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu và trình bày được báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

b) **Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

c) **Sản phẩm**: Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

#### 3. Gợi ý thực hiện

- Lựa chọn nội dung.

- Sưu tầm, tổng hợp thông tin.

- Viết báo cáo.

#### \* THAM KHẢO

#### TUYÊN TRUYỀN VỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM Ở QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

##### 1. Giới thiệu:

- Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam.

- Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và pháp lý khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với hai quần đảo này.

- Việc tuyên truyền về chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa là nhiệm vụ quan trọng, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

## **2. Nội dung tuyên truyền:**

### **\* Lịch sử:**

- Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được các triều đại Việt Nam liên tục khẳng định chủ quyền từ rất sớm.

- Nhiều thế kỷ nay, ít nhất là từ thế kỷ 17, Việt Nam đã xác lập, thực hiện chủ quyền đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi hai quần đảo này còn là vô chủ, thực hiện chủ quyền đối với hai quần đảo một cách hòa bình, liên tục và không gặp phải sự phản đối của bất kỳ quốc gia nào.

- Tại Việt Nam và nhiều nước trên thế giới hiện còn lưu giữ nhiều tư liệu, sách cổ, văn bản pháp lý của nhà nước, bản đồ thể hiện việc thực thi chủ quyền của các nhà nước phong kiến Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư của Đỗ Bá Tự công đạo (1686); Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn biên soạn năm 1776; Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú (1821); Hoàng Việt địa dư chí (1833); Đại nam thực lục tiền biên (1844 - 1848); Đại nam thực lục chính biên (1844 - 1848); Việt sử cương giám khảo lược (1876); Đại nam nhất thống chí (1882); Dư địa chí khâm định đại nam hội điển sự lệ (1910); Hải ngoại ký sự của nhà sư trung quốc Thích Đại Sán (1696), An nam đại quốc họa đồ của giám mục người Pháp Louis Taberd, đại nam thống nhất toàn đồ (1838)...

- Các châu bản triều Nguyễn là các văn bản hành chính chính thức của triều đình nhà Nguyễn (thế kỷ 17 - 18) có dấu son của Vua là cơ sở pháp lý khẳng định việc Nhà nước phong kiến Việt Nam đã xác lập và triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo như hàng năm cử các đội Hoàng Sa kiêm quản đội Bắc Hải ra hai quần đảo khai thác các tài nguyên sản vật trên biển và thu lượm hàng hóa trên các tàu bị đắm; đo đạc vẽ bản đồ; dựng bia lập miếu, trồng cây; cứu trợ tàu thuyền nước ngoài gặp nạn.

- Trong thời kỳ Pháp thuộc (từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20), Chính phủ Pháp đã nhân danh Việt Nam tiếp quản hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời phản đối yêu sách của các nước khác đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Từ những năm 30 của thế kỷ 20, Pháp đã quy thuộc hai quần đảo vào các tỉnh đất liền, cho quân đồn trú, đặt cột mốc, xây hải đăng, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện trên hai quần đảo.

- Chủ quyền của Việt Nam với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng được thừa nhận tại hội nghị San Francisco tháng 9 năm 1951 - Hội nghị giải quyết vấn đề quy thuộc về các vùng lãnh thổ sau chiến tranh thế giới thứ 2 với sự tham gia của 51 quốc gia. Tại hội nghị này, Trưởng phái đoàn quốc gia Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Bảo Đại Trần Văn Hữu đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà không gặp bất cứ sự phản đối nào của 50 quốc gia tham dự còn lại.

- Sau khi ký hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 Pháp đã chuyển giao hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn đã chiếm hữu trên thực tế và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo này. Sau năm 1975, nước Việt Nam thống nhất, nhà nước CHXHCN Việt Nam quản lý các đảo ở Trường Sa và luôn khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa.

- Theo phương thức thụ đắc lãnh thổ, một quốc gia được coi là có chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ khi quốc gia đó chứng minh được mình chiếm hữu, thực thi, quản lý và khai thác lãnh thổ đó với tư cách Nhà nước một cách liên tục hòa bình. Theo đó, Việt Nam đã xác lập, thực thi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế.

- Quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam đã bị Trung Quốc đánh chiếm vào các năm 1956 và 1974; một số bãi ngầm ở quần đảo Trường Sa của Việt Nam bị Trung Quốc đánh chiếm bằng vũ lực vào năm 1988. Bất cứ hành động chiếm đóng bằng vũ lực nào ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều vi phạm nghiêm trọng hiến chương Liên hợp quốc và các chuẩn mực của pháp luật quốc tế.

- Quần đảo Trường Sa đang là đối tượng tranh chấp giữa 5 nước, 6 bên (gồm Trung Quốc, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây và một bên là Đài Loan).

### **\* Pháp lý:**

- Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

- Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982.
- Các văn bản pháp luật của Việt Nam về chủ quyền biển đảo.

**\* Tác động:**

- Hoàng Sa và Trường Sa có vị trí chiến lược quan trọng.
- Hai quần đảo có tiềm năng to lớn về tài nguyên thiên nhiên.
- Việc bảo vệ chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**3. Nội dung tuyên truyền**

- Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến biển, đảo.
- Các văn bản luật pháp quốc tế, thoả thuận song phương và đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia, các tổ chức quốc tế có liên quan đến biển, đảo.
- Những chứng cứ lịch sử và pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; vị trí, vai trò, tiềm năng của biển, đảo Việt Nam.
- Phát triển kinh tế biển, đảo, đặc biệt là những ngành kinh tế mũi nhọn như: Khai thác và chế biến dầu khí, kinh tế hàng hải, khai thác và chế biến hải sản, du lịch biển và kinh tế hải đảo, xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; bảo vệ môi trường.
- Giáo dục cho ngư dân về các quy định pháp luật trong hoạt động thủy sản như: Nuôi trồng, thủy, hải sản, đánh bắt xa bờ, hậu cần nghề cá..., chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển nhằm thu hút mạnh hơn các nguồn lực đầu tư, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; ứng phó với rủi ro, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, dự báo ngư trường, mùa vụ, thời tiết, đối tượng đánh bắt; chính sách khuyến khích ngư dân định cư lâu dài; gương cá nhân và tập thể tiên tiến, điển hình trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

**4. Hình thức tuyên truyền**

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng.
- Tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng.
- Tổ chức các hội thảo, triển lãm, hội thi về Hoàng Sa và Trường Sa.
- Giáo dục về chủ quyền biển đảo trong nhà trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**I. Trắc nghiệm**

**Câu 1.** Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về an ninh quốc phòng của vùng biển nước ta?

- A.** tuyên phòng thủ chiến lược hướng đông của đất nước.
- B.** tạo động lực để phát triển nền kinh tế mở hướng ra biển.
- C.** nâng cao vị thế kinh tế biển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D.** đóng góp vào GDP, nâng cao tiềm lực kinh tế đất nước.

**Câu 2.** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo nước ta là

- A.** tạo điều kiện thuận lợi phân bố lại dân cư, lao động.
- B.** góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.
- C.** làm thay đổi bộ mặt của các khu quần cư ven biển.
- D.** phát triển kinh tế biển bền vững và bảo vệ biển đảo.

**Câu 3.** Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh và sự phát triển lâu dài của các nước tại Biển Đông là

- A. tăng cường đối thoại hợp tác giữa các nước.
- B. tăng cường sức mạnh quân sự của từng nước.
- C. khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên biển.
- D. duy trì sự hiện diện quân sự của các nước lớn.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

#### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí vào các bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

#### **II. Đúng/sai**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Biển Đông là một biển khá kín, nằm ở rìa Tây Thái Bình Dương, được bao bọc bởi các nước là: Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Singapo, Thái Lan, Campuchia. Biển Đông có nhiều đảo và quần đảo rộng lớn bao quanh, tạo ra hàng loạt các eo biển giúp cho giao thông giữa Biển Đông với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương trở nên an toàn và thuận lợi hơn.

- a) Biển Đông nằm chắn trên trục giao thông hàng hải nối Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. (Sai)
- b) Việt Nam có vùng biển chung với nhiều quốc gia trên Biển Đông nên có tài nguyên biển phong phú. (Sai)
- c) Theo công ước về luật biển năm 1982, diện tích vùng đặc quyền kinh tế của nước ta trên Biển Đông khoảng 1 triệu km<sup>2</sup>. (Đúng)
- d) Do có vùng biển rộng nên nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển. (Đúng)

#### **III. Trả lời ngắn**

**Câu 1.** Năm 2022, tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển của nước ta đạt 1974,0 triệu tấn, trong đó vận chuyển bằng đường biển chiếm 89,3 triệu tấn. Tính tỉ lệ khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường biển so với tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển của cả nước. (làm tròn kết quả đến 1 chữ số của phần thập phân của %)

**Đáp án:** 4,5

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

#### **4. củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

#### **5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 35. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

## PHẦN 5. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

### TIẾT 66, 67, 68. BÀI 35. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Trình bày được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của tỉnh, thành phố dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam và kiến thức đã có.

- Sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,..., phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế của địa phương.

- Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, số liệu,... để giới thiệu về địa lí địa phương.

- Viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề.

##### 2. Năng lực:

###### \* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

+ Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là vấn đề hợp tác giải quyết các vấn đề biên đảo.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

+ Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.

###### \* Năng lực chuyên biệt:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ của địa phương.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư và xã hội, kinh tế của địa phương.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến địa phương.

##### 3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Tự hào về các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư - xã hội và kinh tế của địa phương.

- *Nhân ái:*

+ Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

+ Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện của mỗi địa phương.

- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực:* Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo vệ, xây dựng quê hương, đất nước.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình học.

3. **Hoạt động học tập:**

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

\* **Câu hỏi:** Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

#### 1. Nội dung

- Tìm hiểu Địa lí địa phương (tỉnh, thành phố) theo các chủ đề.
- Viết báo cáo giới thiệu Địa lí địa phương theo một số chủ đề.

#### 2. Nguồn tư liệu

- Sách giáo khoa Địa lí 12.
- Tài liệu Giáo dục địa phương.
- Báo cáo kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.
- Niên giám thống kê các địa phương.
- Trang web của địa phương và của các cơ quan liên quan.
- Hệ thống bản đồ hành chính, tự nhiên, dân cư và kinh tế của địa phương.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động. Thực hành

a) **Mục tiêu:** HS sưu tầm, hệ thống hóa được kiến thức về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của tỉnh, thành phố dựa trên bản đồ của địa phương và viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề dựa vào việc thu thập các tài liệu, tranh ảnh, số liệu....

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

c) **Sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

#### 3. Gợi ý cấu trúc báo cáo

Học sinh lựa chọn viết báo cáo một trong các chủ đề sau:

##### Chủ đề 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ

- Quy mô diện tích.
- Thuộc khu vực, tiếp giáp với các tỉnh, thành phố.
- **Sự phân chia hành chính (xã, phường).**
- Ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố.

##### Chủ đề 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

- Đặc điểm chung về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh, thành phố.
- Đặc điểm các thành phần tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, sông ngòi, sinh vật và khoáng sản.
- Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố.

- Vấn đề bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai hoặc biến đổi khí hậu tại địa phương.

##### Chủ đề 3: Dân cư và xã hội

- Đặc điểm chính về dân cư của địa phương: gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, đô thị hoá.

- Đặc điểm về lao động, việc làm của địa phương: số lượng, chất lượng, phân bố, sử dụng lao động; tình hình việc làm và hướng giải quyết việc làm.

- Các vấn đề xã hội nổi bật của địa phương: giáo dục, y tế, văn hoá, chất lượng cuộc sống,...

- Đánh giá ảnh hưởng của đặc điểm dân cư và xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố.

#### **Chủ đề 4: Kinh tế**

- Đặc điểm chung về kinh tế của địa phương.

+ Quy mô nền kinh tế.

+ Tốc độ tăng trưởng.

+ Cơ cấu kinh tế.

+ Vị thế nền kinh tế so với cả nước.

- Các ngành kinh tế: điều kiện phát triển, tình hình phát triển, phân bố, vấn đề đặt ra, hướng phát triển.

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

+ Công nghiệp.

+ Dịch vụ.

- Vấn đề phát triển bền vững ở địa phương.

\* **THAM KHẢO**

### **ĐÀ NẴNG 2026: TẦM VÓC SIÊU ĐÔ ĐỊ THỊ VEN BIÊN MIỀN TRUNG**

Sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết hợp nhất thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng hiện nay không chỉ là một đô thị hạt nhân mà đã trở thành một thực thể kinh tế - chính trị có quy mô lớn nhất miền Trung, đóng vai trò "đầu tàu" dẫn dắt sự phát triển của cả khu vực.

#### **1. Vị trí địa lý và Quy mô lãnh thổ**

Sự sáp nhập đã mở ra một không gian phát triển không giới hạn cho Đà Nẵng:

- **Diện tích tự nhiên:** Đạt khoảng **11.859,59 \$km^2\$** (gấp gần 10 lần diện tích Đà Nẵng cũ).
- **Phạm vi ranh giới:**
  - **Phía Bắc:** Giáp tỉnh Thừa Thiên Huế.
  - **Phía Nam:** Giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum.
  - **Phía Tây:** Giáp nước CHDCND Lào (thông qua cửa khẩu quốc tế Nam Giang).
  - **Phía Đông:** Giáp Biển Đông với đường bờ biển dài và quần đảo Hoàng Sa.
- **Vị thế chiến lược:** Là điểm cuối của Hành lang Kinh tế Đông - Tây (EWEC), sở hữu cảng nước sâu Liên Chiểu và Chu Lai, kết nối trực tiếp với các thị trường quốc tế.

#### **2. Đặc điểm tự nhiên: "Hệ sinh thái toàn diện"**

Đà Nẵng mới sở hữu địa hình đa dạng, tạo điều kiện phát triển kinh tế đa ngành:

- **Hệ thống sông ngòi:** Sự kết hợp giữa hạ lưu sông Hàn và lưu vực sông Thu Bồn tạo nên vùng đồng bằng duyên hải trù phú, đồng thời cung cấp nguồn tài nguyên nước và phù sa lớn.

- **Rừng và Núi:** Bao gồm dãy Trường Sơn hùng vĩ phía Tây với các khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học cao, là "lá phổi xanh" và lá chắn an ninh quốc phòng cho cả vùng.
- **Biển và Đảo:** Sở hữu những bãi biển đẹp nhất hành tinh cùng hệ thống đảo ven bờ như Cù Lao Chàm và quần đảo Hoàng Sa, tạo thế mạnh tuyệt đối về kinh tế biển và du lịch.

### 3. Dân cư và Tổ chức Hành chính

- **Dân số:** Quy mô dân số hiện đạt hơn **3 triệu người**, tạo ra nguồn nhân lực dồi dào và thị trường nội địa năng động.
- **Mô hình chính quyền:** Thành phố vận hành theo **mô hình chính quyền địa phương hai cấp**.
- **Đơn vị hành chính cấp xã:** Sau khi sắp xếp lại để tinh gọn bộ máy, thành phố hiện có **94 đơn vị hành chính cấp xã**, bao gồm:
  - **23 Phường** (tập trung tại lõi đô thị cũ và các khu vực đô thị hóa nhanh).
  - **70 Xã** (bao gồm các huyện miền núi và đồng bằng).
  - **Đặc khu Hoàng Sa.**

### 4. Tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội (Số liệu 2025 - đầu 2026)

Năm 2025 ghi nhận sự bứt phá ngoạn mục của Đà Nẵng sau sáp nhập:

- **GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn):** Đạt khoảng **316.000 tỷ đồng** vào cuối năm 2025, tăng trưởng **9,18%** (xếp thứ 9/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- **Cơ cấu kinh tế:** Chuyển dịch mạnh mẽ sang dịch vụ cao cấp và công nghiệp công nghệ cao.
  - **Trung tâm Tài chính & Thương mại tự do:** Đà Nẵng đang khẩn trương hoàn thiện các phân khu của Khu thương mại tự do đầu tiên tại Việt Nam, thu hút các dòng vốn FDI lớn trong lĩnh vực bán dẫn và AI.
  - **Du lịch:** Kết nối "Con đường di sản" từ Đà Nẵng đến Hội An - Mỹ Sơn thành một chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín, đưa lượng khách quốc tế năm 2025 đạt mức kỷ lục.
  - **Logistics:** Cảng Liên Chiểu và sân bay quốc tế Đà Nẵng được nâng cấp, trở thành đầu mối vận tải đa phương thức hàng đầu khu vực Đông Nam Á.
- **An sinh xã hội:** Thành phố đang thực hiện các chính sách nhà ở xã hội đột phá. Đặc biệt từ tháng 4/2026, quy định mới cho phép người độc thân thu nhập dưới 25 triệu đồng/tháng được tiếp cận mua nhà ở xã hội, góp phần ổn định đời sống cho lực lượng lao động trẻ.

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

#### - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

#### - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- **Câu hỏi:** Từ những nội dung địa lí địa phương đã tìm hiểu được, em hãy hoàn thành các thông tin trong bảng sau:

#### THỂ MẠNH VÀ HẠN CHẾ ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều kiện	Thể mạnh	Hạn chế
Vị trí địa lí		
Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên		
Điều kiện kinh tế - xã hội		

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí vào các bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

- **Câu hỏi:** Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về một ngành kinh tế ở địa phương em.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

- Giới thiệu khái quát về địa phương: tên gọi, vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội.

- Giới thiệu về ngành kinh tế:

+ Tên gọi:...

+ Điều kiện phát triển:

> Thuận lợi:...

> Khó khăn:...

+ Tình hình phát triển và phân bố:....

+ Hướng phát triển:....

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

### 4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

### 5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Hệ thống kiến thức đã học.